

Số: 05/TB-HĐTDVC

Trà Vinh, ngày 30 tháng 01 năm 2024

THÔNG BÁO

**Kết quả điểm xét tuyển viên chức vào làm việc tại
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Trà Vinh năm 2023 (vòng 2)**

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ kết quả kỳ xét tuyển viên chức vào làm việc tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Trà Vinh năm 2023 (vòng 2) ngày 27/01/2024 của Hội đồng tuyển dụng viên chức.

Hội đồng tuyển dụng viên chức thông báo kết quả điểm xét tuyển viên chức vào làm việc tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Trà Vinh năm 2023 (vòng 2). (Danh sách đính kèm).

Đề nghị thí sinh truy cập vào Trang thông tin điện tử của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Trà Vinh tại địa chỉ website: **benhvientravinh.com.vn** để cập nhật kết quả.

Trên đây là thông báo kết quả điểm Kiểm tra sát hạch (Vòng 2) xét tuyển viên chức vào làm việc tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Trà Vinh./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế
- Trang tin điện tử SYT;
- Website của Bệnh viện;
- Thành viên Hội đồng;
- Ban giám sát;
- Các khoa/phòng trực thuộc;
- Niêm yết tại trụ Sở;
- Lưu: VT, TCCB.



GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN
Trần Kiến Vũ

DANH SÁCH TỔNG ĐIỂM THÍ SINH DỰ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2023

(Kèm theo thông báo số 05 /TB-HĐXTVC ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng tuyển dụng viên chức Bệnh viện Đa khoa Trà Vinh)

Stt	Họ và	Tên	năm sinh	Dân tộc	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Vị trí việc làm đăng ký	Số báo danh	Kiến thức chung		Kiến thức chuyên ngành		Điểm trung bình	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
									Giảm khảo 1	Giảm khảo 2	Giảm khảo 1	Giảm khảo 2				
1	Mai Đình	Duy	25/01/1994	kinh	Nam	Bác sĩ CKI Ngoại khoa	Khoa Chấn thương chỉnh hình	001 .BSCKI	75	75	90	90	82.5	0	82.5	
2	Võ Đăng	Khoa	01/04/1994	Kinh	Nam	Thạc sĩ Tai mũi họng	Khoa Tai mũi họng	002 .BSCKI					0	0	0	
3	Thạch Thanh	Nguyễn	10/10/1986	Khmer	Nam	Bác sĩ CKI Gây mê hồi sức	Khoa Phẫu thuật GMHS	003 .BSCKI	80	80	80	85	81.25	5	86.25	
4	Nguyễn Hữu	Thành	16/01/1995	Kinh	Nam	Thạc sĩ Y học Tai mũi họng	Khoa Tai mũi họng	004 .BSCKI	50	50	100	100	75	0	75	
5	Trần Huỳnh Phương	Thảo	29/10/1994	Kinh	Nữ	Bác sĩ CKI Tai mũi họng	Khoa Tai mũi họng	005 .BSCKI	100	100	90	95	96.25	0	96.25	
6	Từ Mộng	Tuyền	13/11/1978	Kinh	Nữ	Bác sĩ CKI Nội tiết	Khoa khám bệnh	006 .BSCKI	100	100	95	95	97.5	0	97.5	
7	Nguyễn Thị Khả	Ái	10/08/1998	Kinh	Nữ	Bác sĩ Y đa khoa	Khoa Nội tổng hợp	007 .BSDK					0	0	0	
8	Lê Nguyễn Quỳnh	Anh	02/09/1998	Kinh	Nữ	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội tổng hợp	008 .BSDK	55	55	70	70	62.5	0	62.5	
9	Trần Tuấn	Anh	02/12/1999	Kinh	Nam	Bác sĩ Y khoa	Khoa Truyền nhiễm	009 .BSDK	100	100	100	100	100	0	100	
10	Trình Kỳ	Anh	19/01/1998	Kinh	Nữ	Bác sĩ Y khoa	Khoa Tâm Thần	010 .BSDK	75	75	70	70	72.5	0	72.5	
11	Thạch Thị Mộng	Cầm	02/09/1997	Khmer	Nữ	Bác sĩ Y khoa	Khoa Ung bướu	011 .BSDK					0	5	5	
12	Bạch Kim	Châu	16/05/1997	Kinh	Nữ	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội tổng hợp	012 .BSDK	100	100	100	100	100	0	100	
13	Kim Thành	Công	20/10/1997	Khmer	Nam	Bác sĩ Y khoa	Khoa Tâm Thần	013 .BSDK	100	100	95	95	97.5	5	102.5	
14	Thạch Minh	Cường	04/01/1990	Khmer	Nam	Bác sĩ y đa khoa	Khoa Chấn thương chỉnh hình	014 .BSDK	100	100	100	95	98.75	5	103.75	
15	Tổng Thị Quỳnh	Dao	16/11/1994	Kinh	Nữ	Bác sĩ Y đa khoa	Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc	015 .BSDK	100	100	98	98	99	0	99	
16	Thạch Thị Thu	Duyên	27/07/1997	Khmer	Nữ	Bác sĩ Y đa khoa	Khoa Phẫu thuật GMHS	016 .BSDK	50	50	95	95	72.5	5	77.5	
17	Lê Trúc	Đào	05/09/1995	Kinh	Nữ	Bác sĩ Y khoa	Khoa Cấp cứu	017 .BSDK	100	100	100	100	100	0	100	
18	Lâm Quốc	Điện	11/09/1999	Kinh	Nam	Bác sĩ Y khoa	Khoa Ung bướu	018 .BSDK					0	0	0	
19	Kim	Được	07/06/1997	Khmer	Nam	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội tổng hợp	019 .BSDK	15	15	55	55	35	5	40	

Stt	Họ và	Tên	năm sinh	Dân tộc	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Vị trí việc làm đăng ký	Số báo danh	Kiến thức chung		Kiến thức chuyên ngành		Điểm trung bình	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
									Giảm khảo 1	Giảm khảo 2	Giảm khảo 1	Giảm khảo 2				
20	Thạch Thị Thủy	Giang	30/12/1997	Khmer	Nữ	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội thân - Lọc máu	020 .BSDK	100	100	85	85	92.5	5	97.5	
21	Kim Thị Phương	Hà	03/12/1999	Khmer	Nữ	Bác sĩ Y khoa	Khoa Ung bướu	021 .BSDK	100	100	65	65	82.5	5	87.5	
22	Thạch Ngọc	Hiền	01/01/1998	Khmer	Nam	Bác sĩ Y khoa	Khoa Phẫu thuật GMHS	022 .BSDK					0	5	5	
23	Trần Trọng	Hiếu	01/08/1998	Kinh	Nam	Bác sĩ Y khoa	Khoa Ngoại tổng hợp	023 .BSDK	100	100	90	90	95	0	95	
24	Phạm Lê Quốc	Huy	09/09/1999	Kinh	Nam	Bác sĩ Y khoa	Khoa Ung bướu	024 .BSDK	95	100	95	95	96.25	0	96.25	
25	Nguyễn Ngọc Thu	Huỳnh	29/02/1996	Kinh	Nữ	Bác sĩ Y đa khoa	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	025 .BSDK	100	100	100	100	100	0	100	
26	Huỳnh Nhật	Khang	04/01/1998	Kinh	Nam	Bác sĩ Y khoa	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	026 .BSDK	0	0	75	75	37.5	0	37.5	
27	Trần Đăng	Khoa	10/07/1990	Kinh	Nam	Bác sĩ Y khoa	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	027 .BSDK	60	60	50	50	55	0	55	
28	Trần Đăng	Khoa	15/01/1997	Kinh	Nam	Bác sĩ Y khoa	Khoa Chẩn thương chỉnh hình	028 .BSDK	100	100	90	95	96.25	0	96.25	
29	Võ Thị Phương	Kiểu	17/09/1998	Kinh	Nữ	Bác sĩ Y khoa	Khoa Lão	029 .BSDK	100	100	100	100	100	0	100	
30	Nguyễn Duy	Linh	05/02/1998	Kinh	Nam	Bác sĩ Y khoa	Khoa Ngoại tổng hợp	030 .BSDK	50	50	65	65	57.5	0	57.5	
31	Bùi Thế	Linh	26/10/1997	Kinh	Nam	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội thân - Lọc máu	031 .BSDK	100	100	95	95	97.5	0	97.5	
32	Lâm Gia	Mấn	26/03/1998	Khmer	Nữ	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội tim mạch -Tim mạch can thiệp	032 .BSDK	90	90	85	85	87.5	5	92.5	
33	Thạch Thông	Minh	09/06/1998	Khmer	Nam	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội thân - Lọc máu	033 .BSDK					0	5	5	
34	Thạch Thị Trúc	My	17/07/1995	Khmer	Nữ	Bác sĩ Y khoa	Khoa Phẫu thuật GMHS	034 .BSDK	100	100	80	80	90	5	95	
35	Nguyễn Phúc	Ngân	29/10/1995	Kinh	Nam	Bác sĩ Y đa khoa	Khoa Ngoại tổng hợp	035 .BSDK	100	100	90	90	95	0	95	
36	Mai Như	Ngọc	16/10/1998	Kinh	Nữ	Bác sĩ Y khoa	Khoa Khám bệnh	036 .BSDK	100	100	100	100	100	0	100	
37	Nguyễn Anh	Nhân	25/06/1994	Kinh	Nam	Bác sĩ Y đa khoa	Khoa Tâm Thần	037 .BSDK	90	90	75	75	82.5	0	82.5	
38	Dương Thị Yến	Nhi	19/09/1996	Kinh	Nữ	Bác sĩ Y khoa	Khoa Cấp cứu	038 .BSDK	75	75	65	65	70	0	70	
39	Võ Yến	Nhi	15/10/1999	Kinh	Nữ	Bác sĩ Y khoa	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	039 .BSDK					0	0	0	
40	Cao Hoàng	Nhớ	19/12/1997	Kinh	Nam	Bác sĩ Y đa khoa	Khoa Ung bướu	040 .BSDK	95	100	90	90	93.75	0	93.75	
41	Kim Trần Minh	Nhứt	01/09/1999	Khmer	Nam	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội thân - Lọc máu	041 .BSDK	80	80	90	90	85	5	90	
42	Châu Phúc	Nhứt	16/08/1999	Kinh	Nam	Bác sĩ Y khoa	Khoa Tâm Thần	042 .BSDK	100	100	95	95	97.5	0	97.5	
43	Lai Thiên	Phù	01/01/1997	Kinh	Nam	Bác sĩ Y khoa	Khoa Lão	043 .BSDK	100	100	65	65	82.5	0	82.5	

Stt	Họ và	Tên	năm sinh	Dân tộc	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Vị trí việc làm đăng ký	Số báo danh	Kiến thức chung		Kiến thức chuyên ngành		Điểm trung bình	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
									Giảm khảo 1	Giảm khảo 2	Giảm khảo 1	Giảm khảo 2				
44	Thạch Hoàng	Phúc	02/09/1996	Khmer	Nam	Bác sĩ Y khoa	Khoa Ngoại tổng hợp	044 .BSDK	100	100	75	70	86.25	5	91.25	
45	Thạch Thị Kim	Phụng	07/04/1997	Khmer	Nữ	Bác sĩ Y khoa	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	045 .BSDK	95	95	90	90	92.5	5	97.5	
46	Trần Thị Mỹ	Phương	11/01/1996	Kinh	Nữ	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội thần - Lọc máu	046 .BSDK	100	100	65	65	82.5	0	82.5	
47	Kiên Thị Bích	Phương	23/11/1995	Khmer	Nữ	Bác sĩ Y khoa	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	047 .BSDK	100	100	90	90	95	5	100	
48	Trần Hoàng	Phương	23/08/1997	Kinh	Nam	Bác sĩ Y khoa	Khoa Khám bệnh	048 .BSDK	100	100	95	95	97.5	0	97.5	
49	Liêu Thị Cẩm	Quyên	07/11/1997	Kinh	Nữ	Bác sĩ Y khoa	Khoa Thần kinh	049 .BSDK	100	100	100	100	100	0	100	
50	Thạch Chăm	Rên	15/07/1998	Khmer	Nam	Bác sĩ Y khoa	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	050 .BSDK	50	50	65	65	57.5	5	62.5	
51	Thạch Thị Na	Rine	21/09/1997	Khmer	Nữ	Bác sĩ Y khoa	Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc	051 .BSDK					0	5	5	
52	Kim Thị Ngọc	Sang	01/02/1999	Khmer	Nữ	Bác sĩ Y đa khoa	Khoa Nội thần - Lọc máu	052 .BSDK	100	100	80	80	90	5	95	
53	Đoàn Tấn	Sang	04/02/1998	Kinh	Nam	Bác sĩ Y đa khoa	Khoa Nội thần - Lọc máu	053 .BSDK	80	80	85	85	82.5	0	82.5	
54	Thạch Ngọc	Son	03/02/1997	Khmer	Nam	Bác sĩ Y khoa	Khoa Ung bướu	054 .BSDK	100	100	85	85	92.5	5	97.5	
55	Thạch Thị Hồng	Sương	13/12/1996	Khmer	Nữ	Bác sĩ Y Khoa	Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc	055 .BSDK	100	100	100	100	100	5	105	
56	Phạm Quốc	Thái	20/10/1997	Kinh	Nam	Bác sĩ Y khoa	Khoa Ngoại thần kinh	056 .BSDK	100	100	85	85	92.5	0	92.5	
57	Trần Quang	Thái	12/06/1995	Kinh	Nam	Bác sĩ Y khoa	Khoa Thần kinh	057 .BSDK	100	100	95	95	97.5	0	97.5	
58	Võ Hồng	Thắm	08/04/1997	Kinh	Nữ	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội tim mạch -Tim mạch can thiệp	058 .BSDK	100	100	90	90	95	0	95	
59	Trần Vũ	Thắng	02/05/1996	Kinh	Nam	Bác sĩ Y khoa	Khoa Ung bướu	059 .BSDK	100	100	85	85	92.5	0	92.5	
60	Lê Thị Huệ	Thanh	17/01/1999	Kinh	Nữ	Bác sĩ Y đa khoa	Khoa Nội tổng hợp	060 .BSDK	95	95	90	90	92.5	0	92.5	
61	Thạch Thị Chanh	Thanh	24/07/1998	Khmer	Nữ	Bác sĩ Y khoa	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	061 .BSDK	70	70	30	30	50	5	55	
62	Triệu Thanh	Thảo	04/10/1999	Kinh	Nữ	Bác sĩ Y đa khoa	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	062 .BSDK	100	100	100	100	100	0	100	
63	Ngô Thị	Thảo	24/12/1999	Kinh	Nữ	Bác sĩ Y khoa	Khoa Phẫu thuật GMHS	063 .BSDK	100	100	95	95	97.5	0	97.5	
64	Võ Thị Thanh	Thư	23/10/1999	Kinh	Nữ	Bác sĩ Y khoa	Khoa Truyền nhiễm	064 .BSDK	100	100	95	95	97.5	0	97.5	
65	Thạch Thị Minh	Thư	12/10/1996	Khmer	Nữ	Bác sĩ Y khoa	Khoa Thần kinh	065 .BSDK	50	50	80	80	65	5	70	

Stt	Họ và	Tên	năm sinh	Dân tộc	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Vị trí việc làm đăng ký	Số báo danh	Kiến thức chung		Kiến thức chuyên ngành		Điểm trung bình	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
									Giám khảo 1	Giám khảo 2	Giám khảo 1	Giám khảo 2				
66	Nguyễn Thị Minh	Thư	19/04/1999	Khmer	Nữ	Bác sĩ Y khoa	Khoa Ung bướu	066 .BSDK	50	50	45	45	47.5	5	52.5	
67	Nguyễn Hiếu	Thuận	23/08/1999	Kinh	Nam	Bác sĩ Y khoa	Khoa Phẫu thuật GMHS	067 .BSDK	100	100	95	100	98.75	0	98.75	
68	Võ Thị Thanh	Thùy	05/05/1999	Kinh	Nữ	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội thận - Lọc máu	068 .BSDK	100	100	100	100	100	0	100	
69	Triệu Minh	Thùy	06/03/1998	Kinh	Nữ	Bác sĩ Y khoa	Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc	069 .BSDK	100	100	100	100	100	0	100	
70	Đỗ Hữu	Tiến	23/01/1997	Kinh	Nam	Bác sĩ Y khoa	Khoa Ngoại tổng hợp	070 .BSDK	100	100	100	100	100	0	100	
71	Phạm Văn	Tinh	05/02/1997	Kinh	Nam	Bác sĩ Y khoa	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	071 .BSDK	100	100	70	70	85	0	85	
72	Kim Sơn	Trà	03/03/1996	Khmer	Nam	Bác sĩ Y khoa	Khoa Chẩn đoán thương chỉnh hình	072 .BSDK	75	75	80	80	77.5	5	82.5	
73	Bùi Ngọc Bảo	Trâm	22/05/1999	Kinh	Nữ	Bác sĩ Y khoa	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	073 .BSDK					0	0	0	
74	Nguyễn Thị Diễm	Trang	21/04/1999	Kinh	Nữ	Bác sĩ Y khoa	Khoa Lão	074 .BSDK	100	100	75	70	86.25	0	86.25	
75	Văn Thanh	Trưởng	24/11/1997	Hoa	Nam	Bác sĩ Y khoa	Khoa Nội thận - Lọc máu	075 .BSDK	100	100	85	85	92.5	5	97.5	
76	Thạch	Trưởng	27/02/1998	Khmer	Nam	Bác sĩ Y khoa	Khoa Lão	076 .BSDK	100	100	100	100	100	5	105	
77	Nguyễn Hồng	Tươi	13/07/1998	Kinh	Nữ	Bác sĩ Y đa khoa	Khoa Nội tim mạch -Tim mạch can thiệp	077 .BSDK	100	100	100	100	100	0	100	
78	Lê Thị Kim	Tuyền	09/09/1999	Kinh	Nữ	Bác sĩ Y đa khoa	Khoa Nội thận - Lọc máu	078 .BSDK					0	0	0	
79	Nguyễn Như	Văn	03/02/1998	Kinh	Nam	Bác sĩ Y đa khoa	Khoa Tâm Thần	079 .BSDK	100	100	65	65	82.5	0	82.5	
80	Lương Lê An	Vì	12/06/1996	Kinh	Nam	Bác sĩ Y khoa	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	080 .BSDK	90	90	70	70	80	0	80	
81	Nguyễn Nguyên	Vinh	01/02/1994	Kinh	Nam	Bác sĩ Y khoa	Khoa Cấp cứu	081 .BSDK	70	70	65	65	67.5	0	67.5	
82	Phạm Chí	Lin	08/02/1994	Kinh	Nam	Bác sĩ Răng hàm mặt	Khoa Răng hàm mặt	082 .BSRHM	100	100	100	100	100	0	100	
83	Lê Thị Hà	Phương	26/01/1999	Kinh	Nữ	Bác sĩ Răng hàm mặt	Khoa Răng hàm mặt	083 .BSRHM	75	75	90	90	82.5	0	82.5	
84	Nguyễn Thị Hồng	Yến	30/08/1999	Kinh	Nữ	Bác sĩ Răng hàm mặt	Khoa Răng hàm mặt	084 .BSRHM	100	100	100	100	100	0	100	
85	Nguyễn Thị Lưu	Anh	30/04/2001	Kinh	Nữ	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực -Chống độc	085 .CNDD	0	0	55	55	27.5	0	27.5	
86	Trần Công	Bằng	13/10/2001	Kinh	Nam	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	086 .CNDD	100	100	100	100	100	0	100	

Stt	Họ và	Tên	năm sinh	Dân tộc	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Vị trí việc làm đăng ký	Số báo danh	Kiến thức chung		Kiến thức chuyên ngành		Điểm trung bình	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
									Giám khảo 1	Giám khảo 2	Giám khảo 1	Giám khảo 2				
87	Thạch Thị Hồng	Cúc	09/11/2001	Khmer	Nữ	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc	087 .CNĐD					0	5	5	
88	Lâm Thị Yến	Diệu	18/11/2000	Khmer	Nữ	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	088 .CNĐD	40	40	25	25	32.5	5	37.5	
89	Lê Thị Hồng	Diệp	14/07/2001	Kinh	Nữ	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc	089 .CNĐD	75	75	70	70	72.5	0	72.5	
90	Nguyễn Thị Ngân	Hà	05/01/1991	Kinh	Nữ	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc	090 .CNĐD	0	0	55	55	27.5	0	27.5	
91	Phạm Mai Lệ	Hằng	24/04/1999	Kinh	Nữ	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc	091 .CNĐD	0	0	35	35	17.5	0	17.5	
92	Đào Thị Ngọc	Huệ	28/01/1999	Khmer	Nữ	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc	092 .CNĐD					0	5	5	
93	Kiên Thị Tha	Huy	19/03/1991	Khmer	Nữ	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc	093 .CNĐD	30	30	55	55	42.5	5	47.5	
94	Võ Ngọc Minh	Khang	06/04/2000	Kinh	Nam	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc	094 .CNĐD	0	0	35	35	17.5	0	17.5	
95	Thạch Sốc	Khây	19/01/1995	Khmer	Nữ	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc	095 .CNĐD					0	5	5	
96	Mai Thị Ngọc	Lai	24/10/1996	Kinh	Nữ	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc	096 .CNĐD					0	0	0	
97	Phạm Thanh	Long	19/09/2001	Kinh	Nam	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc	097 .CNĐD	100	100	100	100	100	0	100	
98	Trần Thị Yến	Nhi	02/06/1999	Kinh	Nữ	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc	098 .CNĐD	90	90	90	90	90	0	90	
99	Dương Thị Yến	Nhi	29/11/2001	Kinh	Nữ	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc	099 .CNĐD					0	0	0	
100	Trần Thị Cẩm	Nhung	13/08/2001	Khmer	Nữ	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc	100 .CNĐD	75	75	100	100	87.5	5	92.5	

25

Stt	Họ và	Tên	năm sinh	Dân tộc	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Vị trí việc làm đăng ký	Số báo danh	Kiến thức chung		Kiến thức chuyên ngành		Điểm trung bình	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
									Giảm khảo 1	Giảm khảo 2	Giảm khảo 1	Giảm khảo 2				
101	Kim Thị Si	Nine	03/08/1999	Khmer	Nữ	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc	101 .CNDD					0	5	5	
102	Thạch Thị Ngọc	Phụng	25/03/1998	Khmer	Nữ	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc	102 .CNDD					0	5	5	
103	Nguyễn Thị Thảo	Quyên	03/05/2000	Kinh	Nữ	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc	103 .CNDD	100	100	100	100	100	0	100	
104	Diệp Thảo	Quyên	13/10/2001	Kinh	Nữ	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc	104 .CNDD	50	50	95	95	72.5	0	72.5	
105	Trần Thị Thanh	Thảo	10/09/1999	Kinh	Nữ	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc	105 .CNDD	55	55	100	100	77.5	0	77.5	
106	Sơn Thị Bích	Tiền	04/03/1999	Khmer	Nữ	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	106 .CNDD	100	100	100	100	100	5	105	
107	Lê Thị Ngọc	Trâm	06/12/2000	Kinh	Nữ	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc	107 .CNDD	60	60	70	70	65	5	70	
108	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	02/02/2000	Kinh	Nữ	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc	108 .CNDD	100	100	80	80	90	0	90	
109	Huỳnh Thị Huyền	Trâm	02/08/2001	Kinh	Nữ	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	109 .CNDD					0	0	0	
110	Bùi Lê Quế	Trân	10/05/2001	Kinh	Nữ	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc	110 .CNDD	100	100	100	100	100	0	100	
111	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	28/03/2000	Kinh	Nữ	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc	111 .CNDD	50	50	60	60	55	0	55	
112	Nguyễn Thị Kim	Yến	15/12/2001	Kinh	Nữ	Cử nhân Điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc	112 .CNDD	50	50	50	50	50	0	50	
113	Nguyễn Thị Minh	Anh	21/09/1996	Kinh	Nữ	Cao đẳng Điều dưỡng	Khoa Cấp cứu	113 .CĐDD	100	100	100	100	100	0	100	
114	Nguyễn Ngọc Quế	Anh	23/04/1994	Kinh	Nam	Cao đẳng Điều dưỡng	Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức	114 .CĐDD	100	95	95	95	96.25	0	96.25	
115	Nguyễn Như	Anh	05/08/1998	Kinh	Nữ	Cao đẳng Điều dưỡng	Khoa Khám bệnh	115 .CĐDD	70	70	95	95	82.5	0	82.5	

Stt	Họ và	Tên	năm sinh	Dân tộc	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Vị trí việc làm đăng ký	Số báo danh	Kiến thức chung		Kiến thức chuyên ngành		Điểm trung bình	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
									Giảm khảo 1	Giảm khảo 2	Giảm khảo 1	Giảm khảo 2				
116	Son Huy Ra	Bằng	01/05/1983	Khmer	Nam	Cao đẳng Điều dưỡng	Khoa Truyền nhiễm	116 .CĐDD	50	50	75	75	62.5	5	67.5	
117	Đoàn Thị	Chi	30/03/1992	Kinh	Nữ	Cao đẳng Điều dưỡng	Khoa Ngoại Thần kinh	117 .CĐDD	50	50	90	90	70	0	70	
118	Huỳnh Vĩ	Cường	12/10/2000	Kinh	Nam	Cao đẳng Điều dưỡng	Khoa Cấp cứu	118 .CĐDD	80	80	100	100	90	0	90	
119	Lê Quốc	Dũng	01/01/1997	Kinh	Nam	Cao đẳng Điều dưỡng	Khoa Ung bướu	119 .CĐDD	80	80	95	95	87.5	0	87.5	
120	Huỳnh Minh	Định	20/01/2001	Khmer	Nam	Cao đẳng Điều dưỡng	Khoa Chẩn thương chỉnh hình	120 .CĐDD	75	75	80	80	77.5	5	82.5	
121	Thạch Thế	Đông	01/02/2001	Khmer	Nam	Cao đẳng Điều dưỡng	Khoa Ngoại tổng hợp	121 .CĐDD	0	0	65	65	32.5	5	37.5	
122	Nguyễn Thị	Giàu	27/05/1992	Kinh	Nữ	Cao đẳng Điều dưỡng	Khoa Khám bệnh	122 .CĐDD	100	100	100	100	100	0	100	
123	Lê Thị Gia	Hân	01/01/2002	Kinh	Nữ	Cao đẳng Điều dưỡng	Khoa Chẩn thương chỉnh hình	123 .CĐDD	70	70	80	80	75	0	75	
124	Nguyễn Thị Thủy	Hằng	02/01/1994	Kinh	Nữ	Cao đẳng Điều dưỡng	Khoa Tai mũi họng	124 .CĐDD					0	0	0	
125	Nguyễn Anh	Hào	08/11/1997	Kinh	Nam	Cao đẳng Điều dưỡng	Khoa Cấp cứu	125 .CĐDD	75	75	100	100	87.5	0	87.5	
126	Nguyễn Thị Hồng	Hoa	14/04/1994	Kinh	Nữ	Cao đẳng Điều dưỡng	Khoa Nội thân - Lọc máu	126 .CĐDD	75	75	85	85	80	0	80	
127	Phạm Thị Huế	Hương	20/10/2001	Kinh	Nữ	Cao đẳng Điều dưỡng	Khoa Lão	127 .CĐDD	50	50	60	60	55	0	55	
128	Trần Ngô Khắc	Huy	07/04/1993	Kinh	Nam	Cao đẳng Điều dưỡng	Khoa Nội Tim mạch - Tim mạch can thiệp	128 .CĐDD	90	90	90	90	90	0	90	
129	Kim Thị Sô	Kha	23/10/2000	Khmer	Nữ	Cao đẳng Điều dưỡng	Khoa Khám bệnh	129 .CĐDD					0	5	5	
130	Nguyễn Thị Quế	Lam	06/06/1998	Kinh	Nữ	Cao đẳng Điều dưỡng	Khoa Nội tổng hợp	130 .CĐDD	70	70	60	60	65	0	65	
131	Lâm Thị Trúc	Ngân	01/01/1991	Khmer	Nữ	Cao đẳng Điều dưỡng	Khoa Khám bệnh	131 .CĐDD	100	100	100	100	100	5	105	
132	Nguyễn Thị Hồng	Nhi	04/07/2001	Kinh	Nữ	Cao đẳng Điều dưỡng	Khoa Nội tổng hợp	132 .CĐDD	80	80	85	85	82.5	0	82.5	
133	Nguyễn Hoàng	Nhi	24/08/1995	Kinh	Nam	Cao đẳng Điều dưỡng	Khoa Truyền nhiễm	133 .CĐDD	75	75	75	75	75	0	75	
134	Phan Lê Yến	Oanh	09/06/1993	Kinh	Nữ	Cao đẳng Điều dưỡng	Khoa Mắt	134 .CĐDD	100	100	100	100	100	0	100	
135	Huỳnh Thanh	Phú	15/02/1996	Kinh	Nam	Cao đẳng Điều dưỡng	Khoa Cấp cứu	135 .CĐDD	60	60	55	55	57.5	0	57.5	

Stt	Họ và	Tên	năm sinh	Dân tộc	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Vị trí việc làm đăng ký	Số báo danh	Kiến thức chung		Kiến thức chuyên ngành		Điểm trung bình	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
									Giám khảo 1	Giám khảo 2	Giám khảo 1	Giám khảo 2				
136	Thạch Thị Thia	Qui	03/04/1994	Khmer	Nữ	Cao đẳng Điều dưỡng	Khoa Ngoại tổng hợp	136 .CĐDD	100	100	100	100	100	5	105	
137	Trương Kiến	Quốc	08/08/2002	Kinh	Nam	Cao đẳng Điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực -Chống độc	137 .CĐDD	100	100	100	100	100	0	100	
138	Thạch	Thanh	01/01/1995	Khmer	Nam	Cao đẳng Điều dưỡng	Khoa Hồi sức tích cực -Chống độc	138 .CĐDD	100	100	95	95	97.5	5	102.5	
139	Trần Thị Phương	Thảo	26/10/1998	Kinh	Nữ	Cao đẳng Điều dưỡng	Khoa Thần kinh	139 .CĐDD	100	100	80	80	90	0	90	
140	Nguyễn Hoàng	Thích	29/08/1993	Kinh	Nam	Cao đẳng Điều dưỡng	Khoa Cấp cứu	140 .CĐDD	100	100	100	100	100	0	100	
141	Nguyễn Thị Kim	Tho	25/12/1997	Kinh	Nữ	Cao đẳng Điều dưỡng	Khoa Cấp cứu	141 .CĐDD	100	100	100	100	100	0	100	
142	Nguyễn Huỳnh Anh	Thư	20/11/1995	Kinh	Nữ	Cao đẳng Điều dưỡng	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	142 .CĐDD	70	70	70	70	70	0	70	
143	Đặng Thị Ngọc	Trâm	25/12/2002	Kinh	Nữ	Cao đẳng Điều dưỡng	Khoa Cấp cứu	143 .CĐDD	85	85	95	95	90	0	90	
144	Mạch Phương	Trung	16/07/1999	Kinh	Nam	Cao đẳng Điều dưỡng	Khoa Nội Tim mạch - Tim mạch can thiệp	144 .CĐDD	25	25	50	50	37.5	0	37.5	
145	Lâm Ngọc Phương	Uyên	19/10/2000	Kinh	Nữ	Cao đẳng Điều dưỡng	Khoa Chẩn thương chỉnh hình	145 .CĐDD	80	80	90	90	85	0	85	
146	Nguyễn Phan Ánh	Xuân	04/10/2001	Kinh	Nữ	Cao đẳng Điều dưỡng	Khoa Thần kinh	146 .CĐDD	100	100	100	100	100	0	100	
147	Nguyễn Thị Mỹ	Xuyên	10/08/2000	Kinh	Nữ	Cao đẳng Điều dưỡng	Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức	147 .CĐDD	100	100	80	80	90	0	90	
148	Thạch Thị Như	Ý	06/10/2002	Khmer	Nữ	Cao đẳng Điều dưỡng	Khoa Cấp cứu	148 .CĐDD	60	60	95	95	77.5	5	82.5	
149	Phan Thị	Yến	01/01/1992	Kinh	Nữ	Cao đẳng Điều dưỡng	Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức	149 .CĐDD	75	75	90	90	82.5	0	82.5	
150	Nguyễn Thị	Nhung	24/06/1985	Kinh	Nữ	Dược sĩ CKI	Khoa Dược	150 .DSCKI	50	50	30	30	40	0	40	
151	Lê Hoàng	An	23/09/1996	Kinh	Nam	Dược sĩ đại học	Khoa Dược	151 .DSDH	50	50	15	15	32.5	0	32.5	
152	Huỳnh Ngọc	Anh	02/03/2000	Kinh	Nữ	Dược sĩ đại học	Khoa Dược	152 .DSDH					0	0	0	
153	Trương Thị Bảo	Anh	30/01/1999	Kinh	Nữ	Dược sĩ đại học	Khoa Dược	153 .DSDH	25	25	30	30	27.5	0	27.5	
154	Nguyễn Thị Phương	Anh	03/02/1999	Kinh	Nữ	Dược sĩ đại học	Khoa Dược	154 .DSDH	0	0	0	0	0	0	0	
155	Nguyễn Thảo	Duy	18/10/1998	Kinh	Nữ	Dược sĩ đại học	Khoa Dược	155 .DSDH	0	0	5	5	2.5	0	2.5	
156	Đỗ Thị Mỹ	Duyên	10/10/2000	Kinh	Nữ	Dược sĩ đại học	Phòng Quản lý chất lượng - CTXH	156 .DSDH	0	0	35	35	17.5	0	17.5	
157	Nguyễn Cao Kỳ	Duyên	01/10/1998	Kinh	Nữ	Dược sĩ đại học	Khoa Dược	157 .DSDH					0	0	0	

Stt	Họ và	Tên	năm sinh	Dân tộc	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Vị trí việc làm đăng ký	Số báo danh	Kiến thức chung		Kiến thức chuyên ngành		Điểm trung bình	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
									Giảm khảo 1	Giảm khảo 2	Giảm khảo 1	Giảm khảo 2				
158	Lai Tổ	Hằng	03/03/1998	Kinh	Nữ	Dược sĩ đại học	Khoa Dược	158 .DSDH	20	20	35	35	27.5	0	27.5	
159	Nguyễn Thị Khánh	Hương	04/03/1997	Kinh	Nữ	Dược sĩ đại học	Khoa Dược	159 .DSDH					0	0	0	
160	Lê Minh	Luân	09/12/1993	Kinh	Nam	Dược sĩ đại học	Khoa Dược	160 .DSDH	0	0	30	30	15	0	15	
161	Trần Nhựt	Minh	15/04/1997	Kinh	Nam	Dược sĩ đại học	Khoa Dược	161 .DSDH	0	0	30	30	15	0	15	
162	Nguyễn Thị Ngọc	Mỹ	03/02/1994	Kinh	Nữ	Dược sĩ đại học	Khoa Dược	162 .DSDH	90	90	5	5	47.5	0	47.5	
163	Thạch Thị Thanh	Ngân	14/05/1998	Khmer	Nữ	Dược sĩ đại học	Phòng Quản lý chất lượng - CTXH	163 .DSDH	0	0	65	65	32.5	5	37.5	
164	Nguyễn Bảo	Ngọc	08/05/1997	Hoa	Nữ	Dược sĩ đại học	Khoa Dược	164 .DSDH	75	75	95	95	85	5	90	
165	Nguyễn Kim	Ngọc	03/09/2000	Kinh	Nữ	Dược sĩ đại học	Khoa Dược	165 .DSDH	45	45	25	25	35	0	35	
166	Lê Thị Thủy	Nhi	15/11/1997	Kinh	Nữ	Dược sĩ đại học	Khoa Dược	166 .DSDH	0	0	5	5	2.5	0	2.5	
167	Đinh Thị Huỳnh	Nhi	28/06/2000	Kinh	Nữ	Dược sĩ đại học	Khoa Dược	167 .DSDH	50	50	50	50	50	0	50	
168	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	11/11/2000	Kinh	Nữ	Dược sĩ đại học	Khoa Dược	168 .DSDH	0	0	20	20	10	0	10	
169	Trần Thiên	Phú	21/03/1997	Kinh	Nam	Dược sĩ đại học	Khoa Dược	169 .DSDH					0	0	0	
170	Son Muni	Roth	29/11/1997	Khmer	Nam	Dược sĩ đại học	Khoa Dược	170 .DSDH	95	95	95	95	95	5	100	
171	Huỳnh Nhật	Tân	11/04/1997	Kinh	Nam	Dược sĩ đại học	Phòng Quản lý chất lượng - CTXH	171 .DSDH	70	70	70	70	70	0	70	
172	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	28/03/1996	Kinh	Nữ	Dược sĩ đại học	Phòng Quản lý chất lượng - CTXH	172 .DSDH	50	50	15	15	32.5	0	32.5	
173	Nguyễn Hoàng Thương	Tính	06/07/1998	Kinh	Nam	Dược sĩ đại học	Khoa Dược	173 .DSDH	40	40	25	25	32.5	0	32.5	
174	Nguyễn Hồng Bảo	Trần	21/10/1996	Kinh	Nữ	Dược sĩ đại học	Phòng Quản lý chất lượng - CTXH	174 .DSDH	100	100	100	100	100	0	100	
175	Huỳnh Kim	Trọng	30/11/2000	Kinh	Nam	Dược sĩ đại học	Khoa Dược	175 .DSDH	0	0	15	15	7.5	0	7.5	
176	Lê Thanh	Trúc	02/11/1990	Kinh	Nữ	Dược sĩ đại học	Khoa Dược	176 .DSDH					0	0	0	
177	Thạch Thị Anh	Trúc	13/05/1999	Khmer	Nữ	Dược sĩ đại học	Khoa Dược	177 .DSDH	0	0	0	0	0	5	5	
178	Huỳnh Long	Vĩnh	19/04/1993	Kinh	Nam	Dược sĩ đại học	Khoa Dược	178 .DSDH	75	75	0	0	37.5	2.5	40	Bộ đội xuất ngũ
179	Nguyễn Hà	Vy	16/07/1997	Kinh	Nữ	Dược sĩ đại học	Khoa Dược	179 .DSDH	100	100	100	100	100	0	100	
180	Lý Hồng	Xuân	08/07/1997	Kinh	Nữ	Dược sĩ đại học	Khoa Dược	180 .DSDH					0	0	0	
181	Son Thị Anh	Xuân	24/04/1997	Khmer	Nữ	Dược sĩ đại học	Khoa Dược	181 .DSDH	50	50	20	20	35	5	40	
182	Nguyễn Đỗ Công	Danh	01/01/1992	Kinh	Nam	Cao đẳng Dược	Phòng Vật tư thiết bị y tế	182 .DSCD					0	0	0	
183	Nguyễn Thị Hồng	Mơ	24/10/1996	Kinh	Nữ	Cao đẳng Dược	Phòng Vật tư thiết bị y tế	183 .DSCD	50	50	85	85	67.5	0	67.5	
184	Nguyễn Thị Bích	Ngân	26/02/1996	Kinh	Nữ	Cao đẳng Dược	Phòng Vật tư thiết bị y tế	184 .DSCD	40	40	90	90	65	0	65	
185	Châu Thị Bích	Ngân	03/10/2001	Kinh	Nữ	Cao đẳng Dược	Phòng Vật tư thiết bị y tế	185 .DSCD	40	40	20	20	30	0	30	

Stt	Họ và	Tên	năm sinh	Dân tộc	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Vị trí việc làm đăng ký	Số báo danh	Kiến thức chung		Kiến thức chuyên ngành		Điểm trung bình	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
									Giảm khảo 1	Giảm khảo 2	Giảm khảo 1	Giảm khảo 2				
186	Trần Ngọc Hồng	Như	27/09/2001	Kinh	Nữ	Cao đẳng Dược	Phòng Vật tư thiết bị y tế	186 .DSCĐ	15	15	15	15	15	0	15	
187	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	26/04/2001	Kinh	Nữ	Cao đẳng Dược	Phòng Vật tư thiết bị y tế	187 .DSCĐ	100	100	95	95	97.5	0	97.5	
188	Dương Thị Minh	Thư	25/10/1997	Kinh	Nữ	Cao đẳng Dược	Phòng Vật tư thiết bị y tế	188 .DSCĐ	80	80	60	60	70	0	70	
189	Huỳnh Thị Kiều	Trình	01/01/1990	Kinh	Nữ	Cao đẳng Dược	Phòng Vật tư thiết bị y tế	189 .DSCĐ	85	85	95	100	91.25	0	91.25	
190	Lê Minh	Trung	09/08/1989	Kinh	Nam	Cao đẳng Dược	Phòng Vật tư thiết bị y tế	190 .DSCĐ	100	100	55	55	77.5	0	77.5	
191	Trần Thị Thu	Tuyết	17/07/1998	Kinh	Nữ	Cao đẳng Dược	Phòng Vật tư thiết bị y tế	191 .DSCĐ	50	50	15	15	32.5	0	32.5	
192	Đỗ Thị Bích	Vân	02/04/1998	Kinh	Nữ	Cao đẳng Dược	Phòng Vật tư thiết bị y tế	192 .DSCĐ	65	65	50	50	57.5	0	57.5	
193	Trần Thị Ngọc	Ánh	21/06/2000	Kinh	Nữ	Cử nhân Kỹ thuật PHCN	Khoa Vật lý trị liệu - PHCN	193 .CNPHCN	60	60	90	90	75	0	75	
194	Cao Minh	Đứng	03/10/2000	Kinh	Nam	Cử nhân Kỹ thuật PHCN	Khoa Vật lý trị liệu - PHCN	194 .CNPHCN					0	0	0	
195	Võ Lưu Hồng	Minh	19/10/2000	Kinh	Nữ	Cử nhân Kỹ thuật PHCN	Khoa Vật lý trị liệu - PHCN	195 .CNPHCN					0	0	0	
196	Nguyễn Xuân	Minh	02/07/2000	Kinh	Nam	Cử nhân Kỹ thuật PHCN	Khoa Vật lý trị liệu - PHCN	196 .CNPHCN	100	100	100	100	100	0	100	
197	Thạch Thị Yến	Nhi	11/07/2000	Khmer	Nữ	Cử nhân Kỹ thuật PHCN	Khoa Vật lý trị liệu - PHCN	197 .CNPHCN	85	85	70	70	77.5	5	82.5	
198	Ngô Thị Tâm	Phúc	03/08/1998	Kinh	Nữ	Cử nhân Kỹ thuật PHCN	Khoa Vật lý trị liệu - PHCN	198 .CNPHCN	80	85	95	95	88.75	0	88.75	
199	Trần Trần Thiện	Thanh	15/11/1998	Khmer	Nữ	Cử nhân Kỹ thuật PHCN	Khoa Vật lý trị liệu - PHCN	199 .CNPHCN	80	80	100	100	90	5	95	
200	Lâm Thị Mỹ	Tiên	10/03/2000	Kinh	Nữ	Cử nhân Kỹ thuật PHCN	Khoa Vật lý trị liệu - PHCN	200 .CNPHCN	75	75	95	95	85	0	85	
201	Dương Mỹ	Trình	09/12/2000	Kinh	Nữ	Cử nhân Kỹ thuật PHCN	Khoa Vật lý trị liệu - PHCN	201 .CNPHCN	100	100	100	100	100	0	100	
202	Trần Ngọc Tường	Vy	27/01/2001	Kinh	Nữ	Cử nhân Kỹ thuật PHCN	Khoa Vật lý trị liệu - PHCN	202 .CNPHCN	100	100	85	85	92.5	0	92.5	
203	Thạch Thị Phi	Xây	27/07/2001	Khmer	Nữ	Cử nhân Kỹ thuật PHCN	Khoa Vật lý trị liệu - PHCN	203 .CNPHCN	75	75	90	90	82.5	5	87.5	
204	Dương Hoàng	Giang	10/11/1986	Kinh	Nam	Cao đẳng Kỹ thuật PHCN	Khoa Vật lý trị liệu - PHCN	204 .CĐPHCN	100	100	75	75	87.5	2.5	90	Bộ đội xuất ngũ
205	Huỳnh Thùy	Linh	18/01/1986	Khmer	Nữ	Cao đẳng Kỹ thuật PHCN	Khoa Vật lý trị liệu - PHCN	205 .CĐPHCN	100	100	60	60	80	5	85	

Stt	Họ và	Tên	năm sinh	Dân tộc	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Vị trí việc làm đăng ký	Số báo danh	Kiến thức chung		Kiến thức chuyên ngành		Điểm trung bình	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
									Giám khảo 1	Giám khảo 2	Giám khảo 1	Giám khảo 2				
206	Nguyễn Hồng	Nhật	26/11/1996	Kinh	Nữ	Cao đẳng Kỹ thuật PHCN	Khoa Vật lý trị liệu - PHCN	206 .CDPHCN					0	0	0	
207	Nguyễn Hồng	Nhiên	25/02/1990	Kinh	Nữ	Cao đẳng Kỹ thuật PHCN	Khoa Vật lý trị liệu - PHCN	207 .CDPHCN	100	100	90	90	95	0	95	
208	Nguyễn Thanh	Quân	09/09/2000	Kinh	Nam	Cao đẳng Kỹ thuật PHCN	Khoa Vật lý trị liệu - PHCN	208 .CDPHCN	100	100	80	80	90	0	90	
209	Ngô Thanh	Tuấn	29/12/1999	Khmer	Nam	Cao đẳng Kỹ thuật PHCN	Khoa Vật lý trị liệu - PHCN	209 .CDPHCN	90	90	95	100	93.75	5	98.75	
210	Lê Gia	Bảo	23/11/2000	Kinh	Nam	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh Y học	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	210 .CNHAYH	100	100	70	70	85	0	85	
211	Nguyễn Vũ	Dur	17/08/2000	Kinh	Nam	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh Y học	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	211 .CNHAYH	90	90	60	60	75	0	75	
212	Nguyễn Tấn	Sang	11/10/2000	Kinh	Nam	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh Y học	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	212 .CNHAYH	100	100	95	95	97.5	0	97.5	
213	Nguyễn Thị Kim	Thoa	03/12/2000	Kinh	Nữ	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh Y học	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	213 .CNHAYH	100	100	100	100	100	0	100	
214	Thạch Kiên Minh	Tri	14/05/2000	Khmer	Nam	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh Y học	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	214 .CNHAYH	90	90	80	80	85	5	90	
215	Hồ Vũ	Việt	08/09/1996	Kinh	Nam	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh Y học	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	215 .CNHAYH	70	70	35	35	52.5	0	52.5	
216	Trần Thanh	Sang	01/01/1987	Kinh	Nam	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	216 .CNHAYH	100	100	80	80	90	0	90	
217	Hồ Thị Cẩm	Duyên	21/09/2000	Kinh	Nữ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Khoa Giải phẫu bệnh	217 .CDXN	25	25	80	80	52.5	0	52.5	
218	Tô Nhật	Linh	16/09/1998	Kinh	Nữ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Khoa Giải phẫu bệnh	218 .CDXN	100	100	95	95	97.5	0	97.5	
219	Nguyễn Thị Thanh	Thoán	21/10/2001	Kinh	Nữ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Khoa Giải phẫu bệnh	219 .CDXN	100	100	95	95	97.5	0	97.5	
220	Huỳnh Hoa Thủy	Tiên	22/03/2001	Kinh	Nữ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Khoa Giải phẫu bệnh	220 .CDXN	100	100	100	100	100	0	100	
221	Thạch Thị	Túc	14/02/1993	Khmer	Nữ	Cao đẳng Xét nghiệm y học	Khoa Giải phẫu bệnh	221 .CDXN	100	100	100	100	100	5	105	
222	Nguyễn Thị Thủy	Diễm	18/06/1999	Kinh	Nữ	Cử nhân Công tác xã hội	Phòng Quản lý chất lượng - CTXH	222 .CNCTXH	60	60	65	70	63.75	0	63.75	
223	Nguyễn Thị Ngọc	Truyền	09/03/1999	Kinh	Nữ	Cử nhân Kỹ thuật hạt nhân	Khoa Ung bướu	223 .CNKTHN	100	100	100	100	100	0	100	
224	Vô Tuấn	Vương	18/06/1999	Kinh	Nam	Cử nhân Kỹ thuật hạt nhân	Khoa Ung bướu	224 .CNKTHN	100	100	100	100	100	5	105	Con thương binh
225	Lê Thị Hồng	Cầm	10/10/1997	Kinh	Nữ	Cử nhân y tế công cộng	Phòng Kế hoạch tổng hợp	225 .CNYTCC	100	100	80	85	91.25	0	91.25	

Stt	Họ và	Tên	năm sinh	Dân tộc	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Vị trí việc làm đăng ký	Số báo danh	Kiến thức chung		Kiến thức chuyên ngành		Điểm trung bình	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
									Giám khảo 1	Giám khảo 2	Giám khảo 1	Giám khảo 2				
226	Thạch Ngọc	Sang	16/04/1996	Khmer	Nam	Cử nhân y tế công cộng	Phòng Kế hoạch tổng hợp	226 .CNYTCC	85	85	80	75	81.25	5	86.25	
227	Tô Phước	Vinh	09/10/1995	Kinh	Nam	Cử nhân y tế công cộng	Phòng Kế hoạch tổng hợp	227 .CNYTCC	25	25	40	40	32.5	0	32.5	
228	Trần Thanh	Quang	16/03/1997	Kinh	Nam	Cử nhân y tế công cộng	Phòng Quản lý chất lượng - CTXH	228 .CNYTCC	100	100	90	90	95	0	95	
229	Lê Minh	Trí	16/03/1995	Kinh	Nam	Cử nhân y tế công cộng	Phòng Quản lý chất lượng - CTXH	229 .CNYTCC	90	90	100	100	95	0	95	
230	Bùi Nguyễn	Chương	15/06/1999	Kinh	Nam	Cử nhân Luật kinh tế	Phòng Tổ chức cán bộ	230 .CNLKT	60	60	100	100	80	0	80	
231	Nguyễn Duy	Linh	15/05/1984	Kinh	Nam	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Phòng Kế hoạch tổng hợp	231 .KSCNTT	0	0	5	0	1.25	0	1.25	
232	Hà Minh	Nhật	28/09/2000	Kinh	Nam	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Phòng Kế hoạch tổng hợp	232 .KSCNTT	95	95	65	65	80	0	80	
233	Nguyễn Minh	Quân	06/02/1990	Kinh	Nam	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Phòng Kế hoạch tổng hợp	233 .KSCNTT	100	100	50	50	75	0	75	
234	Nguyễn Văn	Rồng	08/01/1977	Kinh	Nam	Kỹ sư Tin học	Phòng Kế hoạch tổng hợp	234 .KSCNTT	90	90	75	75	82.5	5	87.5	Con thương binh
235	Nguyễn Chi	Thiện	12/04/1998	Kinh	Nam	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Phòng Kế hoạch tổng hợp	235 .KSCNTT					0	0	0	
236	Nguyễn Tầm	Thạch	01/09/1999	Kinh	Nam	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Phòng Kế hoạch tổng hợp	236 .KSCNTT	100	100	100	100	100	0	100	
237	Nguyễn Hoàng	Thái	21/01/2000	Kinh	Nam	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Phòng Kế hoạch tổng hợp	237 .KSCNTT					0	0	0	
238	Lâm Trường	Tin	19/11/1989	Kinh	Nam	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Phòng Kế hoạch tổng hợp	238 .KSCNTT	0	0	45	45	22.5	0	22.5	
239	Kiên	Thăng	28/01/2000	Khmer	Nam	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Phòng Kế hoạch tổng hợp	239 .KSCNTT	0	0	60	60	30	5	35	
240	Trần Anh	Tuấn	29/09/1997	Kinh	Nam	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Phòng Kế hoạch tổng hợp	240 .KSCNTT	0	0	0	0	0	0	0	
241	Trần Hoàng Tuấn	Vũ	15/10/1989	Kinh	Nam	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Phòng Kế hoạch tổng hợp	241 .KSCNTT	100	100	100	100	100	0	100	
242	Lý Thế	Vinh	12/08/2001	Kinh	Nam	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Phòng Kế hoạch tổng hợp	242 .KSCNTT	90	90	90	90	90	0	90	
243	Trần Văn	Dương	09/03/1989	Kinh	Nam	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Phòng Hành chính quản trị	243 .KSCNKTD	100	100	100	100	100	0	100	

Stt	Họ và	Tên	năm sinh	Dân tộc	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Vị trí việc làm đăng ký	Số báo danh	Kiến thức chung		Kiến thức chuyên ngành		Điểm trung bình	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
									Giảm khảo 1	Giảm khảo 2	Giảm khảo 1	Giảm khảo 2				
244	Đoàn Văn	Linh	07/08/1978	Kinh	Nam	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Phòng Hành chính quản trị	244 .KSCNKTD	35	35	30	30	32.5	5	37.5	Con thương binh
245	Trần Văn	Thiên	24/07/1995	Kinh	Nam	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Phòng Hành chính quản trị	245 .KSCNKTD	10	10	70	70	40	0	40	
246	Ngô Văn Hữu	Tài	29/08/1994	Kinh	Nam	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Phòng Hành chính quản trị	246 .KSCNKTD	60	60	65	60	61.25	0	61.25	
247	Đặng Thành	Ý	12/02/1994	Kinh	Nam	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Phòng Hành chính quản trị	247 .KSCNKTD	20	20	25	25	22.5	0	22.5	
248	Nguyễn Thanh	Vũ	25/07/1986	Kinh	Nam	Cao đẳng Điện công nghiệp	Phòng Hành chính quản trị	248 .CĐĐCN	100	100	95	100	98.75	0	98.75	
249	Nguyễn Trần Quốc	Bảo	04/11/1997	Kinh	Nam	Cao đẳng Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	Phòng Hành chính quản trị	249 .CDKTM L	60	60	50	45	53.75	2.5	56.25	Bộ đội xuất ngũ
250	Nguyễn Văn Vũ	Linh	30/06/1999	Kinh	Nam	Cao đẳng Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	Phòng Hành chính quản trị	250 .CĐKTM L	40	40	25	25	32.5	0	32.5	

LẬP BẢNG

[Signature]
Trần Kiến Vũ

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
 CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN
 Trần Kiến Vũ